

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2019
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương sô Huy
2. Bà Bùi Thanh Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Bích N**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu vực H, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (*Có mặt*)

- *Bị đơn:* Anh **Trần Châu H**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích N trình bày:

Vào năm 2009, chị và anh Trần Châu H do mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T vào ngày 26/5/2011.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H không quan tâm vợ con, thường uống rượu, không lo kinh tế gia đình nên hay cự cãi nhau, chị đã khuyên ngăn nhưng anh không thay đổi mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sống và đã ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Hoàng G (nam), sinh ngày 29/3/2010. Chị N đồng ý giao cháu Hoàng G cho anh H nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 01/10/2019 và quá trình giải quyết, bị đơn anh Trần Châu H trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Bích N do mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường T. Đến năm 2018 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, khi anh đi làm tại Long An thì không biết lý do gì chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Anh H đã nhiều lần đến kêu chị N về hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Hoàng G (nam), sinh ngày 29/3/2010. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn, anh H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hoàng G đến trưởng thành, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Huỳnh Thị Bích N và anh Trần Châu H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị N khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Châu H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tuy nhiên, anh H vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2011, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống gia đình, thường bất hòa về tình cảm, anh H hay uống rượu, không quan tâm vợ con, không lo kinh tế gia đình, chị cố khuyên ngăn nhưng anh H không thay đổi nên vào năm 2018 chị đã về nhà cha mẹ ruột sống và đã ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay, chị không còn tình cảm với anh H nên nay chị cương quyết xin ly hôn.

Về phía anh H, anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, khi anh đi làm tại Long An thì không biết lý do gì chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Anh đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, anh chị đã ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Mặc dù vậy, anh còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị N là có thật. Cả anh H và chị N đều thừa nhận để giải quyết mâu thuẫn, nhiều lần anh chị đã tự khuyên bảo và cũng tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có sự chuyển biến tiến bộ nào để khắc phục những mâu thuẫn. Hơn nữa, anh H thừa nhận do anh đi làm thường xuyên nên ít quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc và thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập anh H đúng trình tự luật định để tham gia phiên tòa nhưng phía anh H nhiều lần vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy anh H đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Ngọc đối với anh H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: anh chị có một con tên Trần Hoàng G (nam), sinh ngày 29/3/2010.

Khi ly hôn chị N đồng ý giao cháu Hoàng G cho anh H nuôi dưỡng đến trưởng thành. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn, anh H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hoàng G đến trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện anh Hồng đang nuôi dưỡng cháu Hoàng G, anh H có đảm bảo cho cháu các điều kiện về sinh hoạt và học tập nên cần ổn định cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hoàng G đến trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Mặc dù chị N không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho chị N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị N thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày là không có, tuy nhiên tại phiên tòa vắng mặt anh H nên chị N đồng ý tách phần tài sản chung, nợ chung ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp và các bên đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51; 56; 57, 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bích N được ly hôn anh Trần Châu H.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Hoàng G (nam), sinh ngày 29/3/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở chị N thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do vắng mặt anh H nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp và các bên đương sự có yêu cầu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Bích N phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 010564 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí (công nhận chị N đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Thị Liên